SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI LONG AN
Trường Trung cấp Kinh Tế - Kỹ Thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ CK6
NĂM THỨ 1

Học kỳ: 1 **Năm học: 2019 - 2020**
Môn học: NGUYÊN LÝ CẮT KIM LOẠI
Số giờ lý thuyết: 45 **Tín chỉ lý thuyết:3**
Số giờ thực hành: **Tín chỉ thực hành:**
Tổng số giờ: 45 **Tổng số tín chỉ: 3**
Họ và tên giáo viên: TÔ DUY NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Điểm kiểm tra thường xuyên *(Hệ số 1)*	Điểm kiểm tra định kỳ *(Hệ số 2)*		TBKT *(hệ số 0.4)*	Điểm kết thúc học phần *(hệ số 0.6)*		Điểm học phần		Ghi chú		Số giờ nghỉ
						L1	L2	L1	L2			
01	Nguyễn Hồ Gia Bảo	8.0	2.0	6.5	5.0			2.0			TL2	8
02	Trương Quốc Bảo	5.0	6.5	3.5	5.0	1.0		2.6			TL2	24
03	Nguyễn Phúc Bình	9.0	8.0	6.0	7.4	4.5		5.7				
04	Nguyễn Quang Bình	9.0	9.0	9.0	9.0	1.5		4.5			TL2	
05	Đặng Ngọc Châu	8.0	5.0	5.0	5.6	3.5		4.3			TL2	
06	Lương Cẩm Dang	8.0			1.6			0.6		Cấm thi		29
07	Ngô Quốc Đạt				0.0			0.0		Cấm thi		41
08	Trần Quốc Dũng	8.0	6.0	5.0	6.0	0.0		2.4			TL2	4
09	Nguyễn Bảo Duy	8.0	5.0	4.0	5.2	0.0		2.1			TL2	4
10	Cù Hoàng Duy	8.0	6.0	5.0	6.0	5.5		5.7				12
11	Huỳnh Khánh Duy	9.0	9.5	7.0	8.4	4.5		6.1				
12	Lê Đặng Khánh Duy	5.0	6.0	4.0	5.0	0.0		2.0			TL2	12
13	Huỳnh Ngọc Duy	8.5	8.0	8.0	8.1	0.0		3.2			TL2	4
14	Lê Thanh Duy	8.0			1.6			0.6		Cấm thi		45
15	Bùi Hoàng Giang	8.0	5.0	7.0	6.4	1.0		3.2			TL2	4
16	Phan Tấn Giàu	8.0	6.0	8.0	7.2	5.0		5.9				4

17	Võ Phúc Hậu	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0		7.6				
18	Phan Minh Hiếu	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0		6.6				
19	Nguyễn Văn Hoài	9.0	9.0	9.0	9.0	8.5		8.7				
20	Nguyễn Mạnh Hùng	8.0	5.0	7.0	6.4	0.0		2.6			TL2	4
21	Nguyễn Dương Quốc Huy				0.0			0.0		Cấm thi		45
22	Võ Thanh Kha	8.0	5.0	6.0	6.0	1.0		3.0			TL2	8
23	Phan Tuấn Khanh	10.0	9.0	9.0	9.2	3.5		5.8				
24	Nguyễn Duy Khánh				0.0			0.0		Cấm thi		32
25	Huỳnh Quốc Kiệt	9.0	10.0	8.5	9.2	6.5		7.6				
26	Phan Nguyễn Phương Nguyên	9.0	10.0	10.0	9.8	9.0		9.3				
27	Đoàn Công Nhân	9.0	9.0	6.0	7.8	4.0		5.5				
28	Nguyễn Hoàng Nhật	9.0	9.0	9.0	9.0	4.0		6.0				
29	Sơn Nhựt Phát	7.0	5.0	4.0	5.0	1.0		2.6			TL2	12
30	Lê Tấn Phát	9.0	9.0	9.0	9.0	1.5		4.5			TL2	
31	Nguyễn Thanh Phong	8.0	8.0	4.0	6.4	0.0		2.6			TL2	4
32	Phan Đinh Thành Phúc		6.0	7.5	5.4			2.2		Cấm thi-Vắng nhiều		24
33	Nguyễn võ Trọng Phúc	9.0	6.0	7.5	7.2	7.5		7.4				4
34	Nguyễn Minh Phương	8.0	6.0	4.0	5.6	1.0		2.8			TL2	4
35	Bùi Minh Quan	9.0	9.0	9.0	9.0	1.5		4.5			TL2	
36	Nguyễn Nhật Quang				0.0			0.0		Cấm thi		45
37	Nguyễn An Quí	9.0	7.0	8.0	7.8	3.5		5.2				
38	Trần Ngọc Quí	9.0	9.5	7.5	8.6	3.5		5.5				
39	Đặng Tấn Tài	8.0	7.0	7.0	7.2	3.0		4.7			TL2	4
40	Nguyễn Tấn Tài									Nghỉ		
41	Nguyễn Minh Tâm		4.0		1.6			0.6		Cấm thi		20
42	Huỳnh Quốc Thái	9.0	9.0	9.0	9.0	4.5		6.3				
43	Đinh Văn Thắng	8.5	7.0	4.0	6.1	0.0		2.4			TL2	4
44	Nguyễn Tân Thành				0.0			0.0		Nghỉ		41
45	Trần Hữu Thạnh	8.0	6.0	8.5	7.4	0.0		3.0			TL2	8
46	Lâm Thanh Tiến	9.5	9.0	9.0	9.1	3.5		5.7				
47	Nguyễn Minh Trí									Nghỉ		
48	Nguyễn Trí Trung	9.0	10.0	10.0	9.8	7.0		8.1				
49	Huỳnh Thanh Tuấn	8.0	6.0	8.0	7.2	5.0		5.9				12

50	Huỳnh Anh Hào	9.0	10.0	10.0	9.8	7.5		8.4				
51	Phạm Công Quang				0.0			**0.0**		Nghỉ		41
52	Bùi Tường Huy	8.0	8.0	4.0	6.4	0.0		**2.6**			TL2	4
53	Trương Thanh Nam	9.0	10.0	9.0	9.4	7.0		8.0				
54	Huỳnh Phước Đắc	8.0	6.0	8.0	7.2	3.5		5.0				16
55	Đặng Hoàng Tuấn	7.0	8.0	8.5	8.0	2.0		**4.4**			TL2	8
56	Phạm Trung Tính	8.0	6.0	5.0	6.0	3.5		**4.5**			TL2	8

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Phòng đào tạo

Giáo viên bộ môn

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Tô Duy Nghiệp

Nhờ quý thầy cô thực hiện:
- Gửi File mềm đã hoàn chỉnh về địa chỉ nguyenthithanhuyen.ktkt@longan.edu.vn
- Gửi File giấy có chữ ký giáo viên về phòng đào tạo
- Chú ý:
+ TBKT và điểm học phần sử dụng hàm Round để làm tròn số
+ Thông tin về môn học đầy đủ và chính xác